

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 15 tháng 7 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
Ông Tống Thông	Thành viên
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Lang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25 tháng 8 năm 2014)
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 8 năm 2014)
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên
Ông Lê Nho Định	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Văn Chuyện
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 9 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

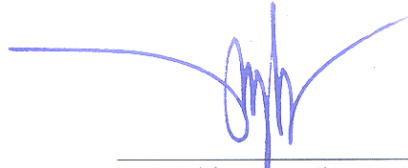
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-325



Trần Hằng Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0877-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.539.023.123.966	1.396.747.826.637
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	71.162.997.242	238.292.387.393
Tiền	111		71.162.997.242	108.292.387.393
Các khoản tương đương tiền	112		-	130.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	31.052.571.428	44.240.000.000
Các khoản phải thu	130	7	552.976.031.534	698.449.799.241
Phải thu khách hàng	131		264.772.913.069	225.036.601.376
Trả trước cho người bán	132		292.409.054.781	442.822.048.442
Phải thu khác	135		5.649.794.273	37.156.074.859
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(9.855.730.589)	(6.564.925.436)
Hàng tồn kho	140	8	837.129.926.134	343.666.249.572
Hàng tồn kho	141		837.582.728.938	343.666.249.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(452.802.804)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.701.597.628	72.099.390.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.992.966.401	7.851.100.547
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.414.183.169	3.264.726.031
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.294.448.058	60.983.563.853
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		785.606.796.036	797.043.598.881
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	38.857.028.969	77.928.943.311
Phải thu dài hạn khác	218		38.857.028.969	77.928.943.311
Tài sản cố định	220		660.425.673.752	634.684.814.197
Tài sản cố định hữu hình	221	10	530.126.992.995	519.076.342.219
Nguyên giá	222		953.810.252.321	922.446.273.254
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(423.683.259.326)	(403.369.931.035)
Tài sản cố định vô hình	227	11	8.803.090.919	9.404.296.551
Nguyên giá	228		20.483.171.543	20.483.171.543
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.680.080.624)	(11.078.874.992)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	121.495.589.838	106.204.175.427

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	69.072.253.086	63.770.153.319
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.129.929.336	7.014.317.169
Đầu tư dài hạn khác	258		72.055.143.384	61.020.063.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.112.819.634)	(4.264.227.234)
Tài sản dài hạn khác	260		4.709.254.670	7.026.442.881
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	4.709.254.670	6.720.818.466
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	-	305.624.415
Lợi thế thương mại	269	16	12.542.585.559	13.633.245.173
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.324.629.920.002	2.193.791.425.518
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.470.457.898.949	1.348.932.997.207
Nợ ngắn hạn	310		1.395.051.404.016	1.251.830.051.700
Vay ngắn hạn	311	17	1.178.722.775.603	942.986.651.315
Phải trả người bán	312	18	89.379.353.266	55.218.751.114
Người mua trả tiền trước	313	19	31.098.496.907	132.457.564.324
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	7.536.180.186	6.259.841.175
Phải trả người lao động	315		23.146.291.584	12.762.988.411
Chi phí phải trả	316	21	5.051.920.742	9.806.372.935
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	53.976.651.762	82.971.419.194
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	6.139.733.966	9.366.463.232
Vay và nợ dài hạn	330		75.406.494.933	97.102.945.507
Phải trả dài hạn khác	333		1.555.540.000	2.307.850.000
Vay dài hạn	334	24	73.850.954.933	94.795.095.507
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		854.172.021.053	844.858.428.311
Vốn chủ sở hữu	410	25	854.172.021.053	844.858.428.311
Vốn cổ phần	411	26	629.949.180.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	28	107.083.910.486	105.138.664.571
Quỹ dự phòng tài chính	418	28	32.982.192.758	31.036.946.843
Lợi nhuận chưa phân phối	420		44.339.497.809	38.916.396.897
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.324.629.920.002	2.193.791.425.518

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	28.191.292.540	19.684.955.396
Nợ khó đòi đã xử lý	10.703.991.527	10.818.724.834
Ngoại tệ (USD)	3.707.130.995	16.910.546.034
Ngoại tệ (EUR)	7.220.500	7.200.750

Ngày 15 tháng 9 năm 2014

Người lập:

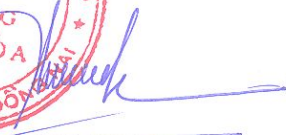


Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyên
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	29	1.263.543.067.421	2.930.013.363.824
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	5.077.980.705	1.973.213.457
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	1.258.465.086.716	2.928.040.150.367
Giá vốn hàng bán	11	30	1.082.901.043.775	2.689.264.173.044
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		175.564.042.941	238.775.977.323
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	32.124.526.010	53.903.334.338
Chi phí tài chính	22	32	52.903.104.681	110.826.264.182
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>45.141.207.971</i>	<i>105.356.519.541</i>
Chi phí bán hàng	24		44.905.560.888	91.068.742.758
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.148.722.257	42.629.100.701
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		57.731.181.125	48.155.204.020
Thu nhập khác	31		1.881.377.214	1.155.105.066
Chi phí khác	32		939.911.944	311.159.211
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		941.465.270	843.945.855
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên kết	45	13	115.612.167	(185.682.831)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		58.788.258.562	48.813.467.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	13.002.992.208	10.863.063.475
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	305.624.415	586.198.284
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		45.479.641.939	37.364.205.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	62		45.479.641.939	37.364.205.285
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	722	1.080

Ngày 15 tháng 9 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Thái Văn Chuyện
Chủ tịch

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		58.788.258.562	48.813.467.044
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.575.700.793	23.621.596.180
Các khoản dự phòng	03		9.592.200.357	7.594.807.334
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		131.939.929	(450.923.580)
(Lợi nhuận)/lỗ được chia từ công ty liên kết	05		(115.612.167)	185.682.831
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(831.633.512)	(430.031.762)
Thu nhập lãi từ tiền gửi	05		(697.418.447)	(1.846.940.768)
Thu nhập lãi từ các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và cho người bán	05		(28.210.597.438)	(49.299.893.238)
Thu nhập lãi từ tiền khách hàng thanh toán chậm	05		(2.734.761.500)	-
Thu nhập cổ tức	05		-	(2.691.624.000)
Chi phí lãi vay	06		45.141.207.971	105.356.519.541
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		104.639.284.548	130.852.659.582
Biến động các khoản phải thu	09		201.174.484.575	(251.380.072.667)
Biến động hàng tồn kho	10		(493.916.479.366)	476.347.236.200
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(123.059.900.473)	(121.584.671.123)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.841.857.877)	2.022.601.868
			(313.004.468.593)	236.257.753.860
Tiền lãi vay đã trả	13		(42.396.237.841)	(105.551.925.927)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(10.222.498.146)	(18.076.599.201)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5.134.075.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.647.629.463)	(11.561.009.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(374.270.834.043)	106.202.294.380

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(52.162.822.284)	(135.822.092.934)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.229.045.456	725.545.454
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	25	-	(7.200.000.000)
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	25	(261.100.000.000)	(44.240.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay	25	274.287.428.572	16.500.000.000
Tiền chi đầu tư cổ phiếu dài hạn	25	(11.035.080.000)	(16.492.178.945)
Tiền thu lãi và cổ tức	27	41.262.828.363	32.805.437.775
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(7.518.599.893)	(153.723.288.650)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	314.974.590.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.522.737.118.241	3.833.398.811.757
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.308.077.074.456)	(3.898.095.383.904)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(62.988.222.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	214.660.043.785	187.289.795.453
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(167.129.390.151)	139.768.801.183
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	238.292.387.393	98.523.586.210
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	71.162.997.242	238.292.387.393

Ngày 15 tháng 9 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Thái Văn Chuyên
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 và do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001, đặt tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007, đặt tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818_011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014 đặt tại Thôn Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết.

Chi tiết các công ty trong Nhóm công ty như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
<i>Các công ty con của Công ty</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
<i>Công ty liên kết của Công ty</i>				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	24%	24%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, Cổ đông đã thông qua việc Công ty mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Sau ngày kết thúc niên độ, vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại dự kiến hoàn thành trước cuối năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty có 957 nhân viên (31/12/2013: 1.198 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Nhóm công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6; và
- Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (kỳ 12 tháng) không thể so sánh được với các số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ hoặc giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 điều chỉnh cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của Nhóm công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiêu thụ.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 15 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con và các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, Nhóm công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Nhóm công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Nhóm công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Nhóm công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Nhóm công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	548.602.089	402.397.486
Tiền gửi ngân hàng	70.614.395.153	107.889.989.907
Các khoản tương đương tiền	-	130.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	71.162.997.242	238.292.387.393
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên thứ ba vay với thời gian đáo hạn dưới 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay này hưởng lãi suất năm từ 8% đến 11% trong kỳ (2013: 10% đến 11%).

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	944.981.769	61.251.771.724
Phi thương mại	-	1.191.892.388
	<hr/>	<hr/>

Phải thu thương mại từ các cổ đông không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 - 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị là 509.951 triệu VND (31/12/2013: 225.037 triệu VND) được yêu cầu thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho các bên liên quan, chi tiết như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước cho cổ đông		
Thương mại	26.149.190.734	47.416.415.799
Trả trước cho các bên liên quan khác		
Thương mại	14.483.325.001	100.266.666.666

Các khoản trả trước cho các cổ đông và các bên liên quan khác không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7,8% đến 8,5% trong kỳ (2013: 7,0% đến 8,5%).

Bao gồm trong các khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	159.195.266.329	170.177.681.340
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	38.857.028.969	77.928.943.311
	198.052.295.298	248.106.624.651

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng cố định là 0,9% trong kỳ (2013: 1% mỗi tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong kỳ, Nhóm công ty đã căn trừ 159.358.141.952 VND khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2013: 180.213.515.725 VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	4.040.313.984	12.862.384.111
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	-	12.748.998.324
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	175.370.435	7.843.887.058
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	797.980.851
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	313.232.085	358.730.467
Phải thu khác	1.120.877.769	2.544.094.048
	5.649.794.273	37.156.074.859

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	74.802.031.217	-
Nguyên vật liệu	66.021.159.445	52.738.299.288
Công cụ và dụng cụ	14.281.501.555	20.379.311.879
Sản xuất kinh doanh dở dang	55.502.974.918	129.779.722.577
Thành phẩm	602.171.782.561	139.960.371.032
Hàng hóa	24.803.279.242	808.544.796
	<hr/>	<hr/>
	837.582.728.938	343.666.249.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(452.802.804)	-
	<hr/>	<hr/>
	837.129.926.134	343.666.249.572
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Số dư trong dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh khoản dự phòng đã lập trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 702.034 triệu VND (31/12/2013: 328.144 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 60.083 triệu VND được vay từ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”) theo hợp đồng vay tài sản ngày 1 tháng 10 năm 2012. Nhóm công ty đã hoàn trả toàn bộ số hàng tồn kho này cho Vinamilk trong kỳ.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	632.948.058	898.710.919
Ký quỹ ngắn hạn (*)	661.500.000	60.083.475.900
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.377.034
	<hr/>	<hr/>
	1.294.448.058	60.983.563.853
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Bao gồm trong ký quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoản ký quỹ cho Nhóm công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”) với giá trị ghi sổ 60.083 triệu VND để đảm bảo cho hàng tồn kho đi vay theo hợp đồng vay tài sản ngày 1 tháng 10 năm 2012 và khoản ký quỹ này đã được Vinamilk hoàn trả trước khi nhận lại hàng hóa cho vay trong kỳ.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	145.147.413.568	747.993.385.764	8.176.321.579	21.129.152.343	922.446.273.254
Tăng trong kỳ	-	3.618.363.635	519.523.637	790.886.363	4.928.773.635
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.418.467.708	17.579.461.616	796.240.000	5.169.137.096	35.963.306.420
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(4.309.116.363)	-	-	-	(4.309.116.363)
Xóa sổ vào chi phí tài chính	-	(3.251.065.425)	-	-	(3.251.065.425)
Phân loại lại	12.900.222.674	(12.900.222.674)	-	-	-
Thanh lý	(28.468.000)	(1.753.291.942)	-	(186.159.258)	(1.967.919.200)
Số dư cuối kỳ	166.128.519.587	751.286.630.974	9.492.085.216	26.903.016.544	953.810.252.321
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	81.313.546.761	308.340.892.458	4.026.354.198	9.689.137.618	403.369.931.035
Khấu hao trong kỳ	2.935.772.246	17.501.302.511	384.406.758	1.062.354.032	21.883.835.547
Thanh lý	(28.468.000)	(1.355.879.998)	-	(186.159.258)	(1.570.507.256)
Số dư cuối kỳ	84.220.851.007	324.486.314.971	4.410.760.956	10.565.332.392	423.683.259.326
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	63.833.866.807	439.652.493.306	4.149.967.381	11.440.014.725	519.076.342.219
Số dư cuối kỳ	81.907.668.580	426.800.316.003	5.081.324.260	16.337.684.152	530.126.992.995

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 107.368 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 105.528 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 434.373 triệu VND (31/12/2013: 445.695 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.759.072.958	4.711.656.654	1.012.441.931	20.483.171.543
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	6.770.764.543	4.060.288.965	247.821.484	11.078.874.992
Khấu hao trong kỳ	383.220.367	119.716.697	98.268.568	601.205.632
Số dư cuối kỳ	7.153.984.910	4.180.005.662	346.090.052	11.680.080.624
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.988.308.415	651.367.689	764.620.447	9.404.296.551
Số dư cuối kỳ	7.605.088.048	531.650.992	666.351.879	8.803.090.919

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 2.663 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 1.787 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 6.107 triệu VND (31/12/2013: 6.365 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	106.204.175.427	202.761.407.491
Tăng trong kỳ	47.234.048.649	154.276.942.434
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	4.309.116.363	123.507.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(35.963.306.420)	(250.830.399.746)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(79.350.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(288.444.181)	(47.931.818)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	121.495.589.838	106.204.175.427

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Xây dựng cơ bản dở dang tại nhà máy Tây Ninh	30.138.327.094	11.287.638.127
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ	23.512.218.727	23.219.358.122
Xây dựng cơ bản dở dang tại nhà máy Trị An	15.580.147.284	16.224.396.838
Xây dựng cơ bản dở dang tại trụ sở chính	12.582.520.178	15.790.405.785
	<hr/>	<hr/>
	121.495.589.838	106.204.175.427

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2013: 9.083 triệu VND).

- (*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd để chuyển giao dự án này với giá trị chuyển giao là 2.026.740 USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Các khoản đầu tư dài hạn

	30/6/2014			31/12/2013				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số tiền VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số tiền VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	720.000	24%	24%	7.129.929.336	720.000	24%	24%	7.014.317.169
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034	2.942.688	10,57%	10,57%	47.227.472.034
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5%	5%	9.000.000.000	750.000	5%	5%	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350
				72.055.143.384				61.020.063.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(10.112.819.634)				(4.264.227.234)
				69.072.253.086				63.770.153.319

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của đầu tư dài hạn vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	7.014.317.169	-
Tăng trong kỳ	-	7.200.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên kết	115.612.167	(185.682.831)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.129.929.336	7.014.317.169
	<hr/>	<hr/>

Biến động của đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	61.020.063.384	44.527.884.439
Tăng trong kỳ	11.035.080.000	16.492.178.945
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	72.055.143.384	61.020.063.384
	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	4.264.227.234	1.054.584.439
Tăng dự phòng trong kỳ	5.848.592.400	4.261.435.824
Hoàn nhập	-	(1.051.793.029)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.112.819.634	4.264.227.234
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	6.720.818.466	15.154.122.740
Tăng trong kỳ	792.688.505	7.864.509.958
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	288.444.181	47.931.818
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình – thuần	-	1.392.466.323
Phân bổ trong kỳ	(3.092.696.482)	(17.738.212.373)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.709.254.670	6.720.818.466
	<hr/>	<hr/>

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời từ khấu hao tài sản cố định.

16. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	21.813.192.278
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.179.947.105
Phân bổ trong kỳ	1.090.659.614
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.270.606.719
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	13.633.245.173
Số dư cuối kỳ	12.542.585.559
	<hr/> <hr/>

17. Vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	885.329.866.995
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	47.420.976.571	57.656.784.320
	1.178.722.775.603	942.986.651.315

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại	30/6/2014	31/12/2013
	tiền	VND	VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (a)	VND	177.396.807.072	226.033.983.508
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Thương mại Chinatrust (b)	VND	82.950.000.000	59.900.000.000
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (c)	VND	62.375.485.000	107.018.280.244
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) (d)	VND	170.979.040.000	45.370.232.500
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) (e)	USD	53.813.591.460	103.707.078.000
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (f)	VND	133.333.722.670	67.745.300.000
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (g)	VND	119.921.509.735	224.297.523.733
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (h)	VND	59.604.861.306	31.907.851.888
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (i)	VND	99.939.163.888	19.349.617.122
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (j)	VND	45.120.315.120	-
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng TNHH Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (k)	VND	38.859.433.072	-
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Nataxis – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (l)	VND	33.923.967.734	-
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (m)	USD	53.083.901.975	-
		1.131.301.799.032	885.329.866.995

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 4,5% đến 7,65% (2013: từ 6,4% đến 7,5%) và từ 2,25% đến 3% (2013: 3%) trong kỳ.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (31/12/2013: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long và máy móc với giá trị còn lại là 1.157 triệu VND và 1.295 triệu VND và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

200.000 triệu VND (31/12/2013: lần lượt là 1.234 triệu VND, 1.843 triệu VND và 200.000 triệu VND).

- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 95.702 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD (31/12/2013: 156.180 triệu VND hoặc 7,5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 140.946 triệu VND (31/12/2013: 83.204 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 125.475 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD (31/12/2013: 122.861 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 4.950 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 127.602 triệu VND (31/12/2013: quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 5.131 triệu VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 253.000 triệu VND (31/12/2013: 150.000 triệu VND hoặc 7 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 191.403 triệu VND (31/12/2013: hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ lần lượt là 8.618 triệu VND và 140.459 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12 triệu USD (31/12/2013: 12 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 191.403 triệu VND (31/12/2013: 7.063 triệu VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND (31/12/2013: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 100.000 triệu VND (31/12/2013: 67.745 triệu VND).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (31/12/2013: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 119.922 triệu VND (31/12/2013: hàng tồn kho và khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ lần lượt là 51.781 triệu VND và 1.374 triệu VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2013: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (31/12/2013: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ mỗi loại là 50.000 triệu VND.
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50.000 triệu VND. Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 95.702 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 40.709 triệu VND.
- (m) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 53.168 triệu VND hoặc 2,5 triệu USD. Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.

18. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Bao gồm trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các cổ đông	19.406.030	-
Phải trả các bên liên quan khác	26.595.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước từ các bên liên quan khác	359.941.853	535.619.788

Khoản trả trước từ các bên liên quan khác không được đảm bảo và không chịu lãi.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.974.812.410	4.194.318.348
Thuế giá trị gia tăng	86.432.042	1.754.656.445
Thuế tiêu thụ đặc biệt	305.845.870	147.189.363
Các loại thuế khác	169.089.864	163.677.019
	7.536.180.186	6.259.841.175

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí vận chuyển	-	2.444.979.244
Chi phí lãi vay	1.705.360.065	2.211.455.360
Chiết khấu bán hàng	1.966.863.130	-
Trợ giá mía cho nông dân của hai nhà máy	319.788.534	569.719.875
Chi phí khác	1.059.909.013	4.580.218.456
	<hr/>	<hr/>
	5.051.920.742	9.806.372.935
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

22. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay hàng tồn kho từ Vinamilk (Thuyết minh 8)	-	60.083.475.900
Khoản vay từ Công đoàn (*)	13.906.050.812	2.758.535.555
Cổ tức phải trả	33.158.099.700	1.660.640.700
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	407.753.134	11.649.193.744
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.300.610.989	3.300.610.989
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	702.385.831	901.215.042
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	135.350.000	717.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.366.401.296	1.900.547.264
	<hr/>	<hr/>
	53.976.651.762	82.971.419.194
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 7,5% đến 12% (2013: 12%) trong kỳ.

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	9.366.463.232	7.018.360.087
Tăng trong kỳ	4.668.590.197	13.909.112.497
Sử dụng quỹ trong kỳ	(7.895.319.463)	(11.561.009.352)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.139.733.966	9.366.463.232
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Vay dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	121.271.931.504	152.451.879.827
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 17)	(47.420.976.571)	(57.656.784.320)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	73.850.954.933	94.795.095.507
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đảo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	2014	5.943.400.000	11.891.900.000
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (b)	VND	2018	18.397.536.611	18.397.536.611
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (c)	VND	2020	11.268.939.800	12.275.425.200
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (d)	VND	2015	11.800.000.000	16.500.000.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (e)	VND	2015	4.249.825.000	5.949.825.000
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	2017	26.264.701.572	30.305.701.572
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (g)	VND	2018	6.555.185.030	7.431.185.030
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (h)	VND	2015	10.756.877.988	20.030.482.213
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (i)	VND	2018	26.035.465.503	29.669.824.201
			<hr/>	<hr/>
			121.271.931.504	152.451.879.827
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 12,9% (2013: từ 3,9% đến 12,9%) trong kỳ.

- (a) Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 44.578 triệu VND (31/12/2013: 49.187 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 1 kỳ hàng quý với số tiền là 2.975 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.966 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 5 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Biên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 22.690 triệu VND (31/12/2013: 24.500 triệu VND) và nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 5.850 triệu VND, 68.649 triệu VND và 214 triệu VND (31/12/2013: lần lượt là 6.039 triệu VND, 70.857 triệu VND và 220 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 4 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.350 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.400 triệu VND vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyên với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 10.390 triệu VND (31/12/2013: 4.199 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 5 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 850 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2015.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 114.810 triệu VND (31/12/2013: 82.130 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.019 triệu VND vào ngày 8 tháng 11 năm 2017.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 24.000 triệu VND và cũng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay f trên từ ngân hàng này (31/12/2013: máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 37.525 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 15 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 437 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, dụng cụ văn phòng và phương tiện vận chuyên tại nhà máy Trị An với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 19.174 triệu VND, 51.272 triệu VND, 1.717 triệu VND và 1.043 triệu VND (31/12/2013: lần lượt là 19.808 triệu VND, 53.289 triệu VND, 1.895 triệu VND và 1.126 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 3 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.493 triệu VND, một kỳ trả 461 triệu VND vào ngày 25 tháng 12 năm 2015 và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.117 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 48.212 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị tại nhà máy Trị An với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 92.692 triệu VND (31/12/2013: 93.077 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 14 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.817 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 595 triệu VND vào ngày 25 tháng 3 năm 2018.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	314.974.590.000	39.817.240.000	87.752.273.950	25.241.483.303	-	104.938.687.259	572.724.274.512
Phát hành cổ phiếu	314.974.590.000	-	-	-	-	-	314.974.590.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	37.364.205.285	37.364.205.285
Cổ tức	-	-	-	-	-	(62.994.918.000)	(62.994.918.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.909.112.497)	(13.909.112.497)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	17.386.390.621	5.795.463.540	3.300.610.989	(26.482.465.150)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(3.300.610.989)	-	(3.300.610.989)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	629.949.180.000	39.817.240.000	105.138.664.571	31.036.946.843	-	38.916.396.897	844.858.428.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	45.479.641.939	45.479.641.939
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(4.668.590.197)	(4.668.590.197)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.945.245.915	1.945.245.915	-	(3.890.491.830)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486	32.982.192.758	-	44.339.497.809	854.172.021.053

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	62.994.918	629.949.180.000	31.497.459	314.974.590.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	31.497.459	314.974.590.000
Số dư cuối kỳ	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

27. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 27 tháng 6 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 2 của năm 2013 (2013: 47.246 triệu VND tương đương 1.500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 2 của năm 2012 và 15.749 triệu tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 của năm 2013).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của Nhóm công ty trong tương lai.

29. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.258.654.047.960	2.911.703.701.899
▪ Cung cấp dịch vụ	4.889.019.461	18.309.661.925
	1,263,543,067,421	2,930,013,363,824
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(3.894.162.289)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(154.410.277)	(232.826.916)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.029.408.139)	(1.740.386.541)
	(5,077,980,705)	(1,973,213,457)
Doanh thu thuần	1.258.465.086.716	2.928.040.150.367

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	1.080.221.818.204	2.683.462.011.725
▪ Dịch vụ đã cung cấp	2.226.422.767	5.802.161.319
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	452.802.804	-
	1.082.901.043.775	2.689.264.173.044

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	697.418.447	1.846.940.768
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	9.591.772.595	31.143.032.993
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các công ty khác vay	18.618.824.843	17.760.188.552
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	2.734.761.500	-
Thu nhập cổ tức	-	2.691.624.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	481.748.625	461.548.025
	32.124.526.010	53.903.334.338

32. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	45.141.207.971	105.356.519.541
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.848.592.400	4.261.435.824
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.051.793.029)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.725.529.660	210.288.756
Chi phí tài chính khác	187.774.650	2.049.813.090
	52.903.104.681	110.826.264.182

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.002.992.208	11.820.135.186
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(957.071.711)
	<hr/> 13.002.992.208	<hr/> 10.863.063.475
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	305.624.415	586.198.284
	<hr/> 13.308.616.623	<hr/> 11.449.261.759

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	58.788.258.562	48.813.467.044
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.933.416.884	12.203.366.761
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(32.041.814)	(21.009.519)
Chi phí không được khấu trừ thuế	407.241.553	896.882.228
Thu nhập không chịu thuế	-	(672.906.000)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(957.071.711)
	<hr/> 13.308.616.623	<hr/> 11.449.261.759

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 45.479.641.939 VND (2013: 37.364.205.285 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 62.994.918 (2013: 34.604.058), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc về cổ đông phổ thông	45.479.641.939	37.364.205.285

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	62.994.918	31.497.459
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu vào ngày 26 tháng 11 năm 2013	-	3.106.599
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	62.994.918	34.604.058

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

35. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Nhóm công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm công ty như thế nào, và xem xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm công ty. Nhóm công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Nhóm công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(*)	70.614.395.153	237.889.989.907
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	31.052.571.428	44.240.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	269.250.668.012	255.240.376.229
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	189.368.604.039	242.676.831.387
		<hr/>	<hr/>
		560.286.238.632	780.047.197.523

(*) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

() Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên thứ ba vay. Nhóm công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu bên thứ ba không có khả năng trả nợ. Ban Tổng Giám đốc đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục giám sát tình hình tài chính của bên thứ ba.

Nhóm công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Nhóm công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Nhóm công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	205.283.994.467	175.340.683.718
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	59.570.545.709	4.280.257.536
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.129.459.125	75.310.403.823
Quá hạn trên 180 ngày	1.438.708.041	1.649.633.694
	<hr/>	<hr/>
	270.422.707.342	256.580.978.771

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*)Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Nhóm công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Nhóm công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Nhóm công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tuổi nợ của các khoản trả trước cho nông dân trồng mía như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	190.095.903.671	239.900.461.387
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	461.893.921	-
Quá hạn trên 180 ngày	7.494.497.706	8.206.163.264
	<hr/>	<hr/>
	198.052.295.298	248.106.624.651
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
	đến 30/6/2014	đến 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.564.925.436	2.179.760.897
Tăng dự phòng trong kỳ	3.531.537.138	4.930.186.268
Hoàn nhập	(240.731.985)	(545.021.729)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.855.730.589	6.564.925.436
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	1.149.596.656.454	1.149.596.656.454	-	-	-
Phải trả người bán	89.379.353.266	89.379.353.266	89.379.353.266	-	-	-
Phải trả người lao động	23.146.291.584	23.146.291.584	23.146.291.584	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.976.651.762	55.019.605.573	55.019.605.573	-	-	-
Chi phí phải trả	5.051.920.742	5.051.920.742	5.051.920.742	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	121.271.931.504	139.900.811.807	57.032.862.204	36.190.797.206	45.451.800.300	1.225.352.097
Nợ dài hạn khác	1.555.540.000	1.555.540.000	-	1.555.540.000	-	-
	1.425.683.487.890	1.463.650.179.426	1.379.226.689.823	37.746.337.206	45.451.800.300	1.225.352.097

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	885.329.866.995	901.505.748.356	901.505.748.356	-	-	-
Phải trả người bán	55.218.751.114	55.218.751.114	55.218.751.114	-	-	-
Phải trả người lao động	12.762.988.411	12.762.988.411	12.762.988.411	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	82.971.419.194	82.971.419.194	82.971.419.194	-	-	-
Chi phí phải trả	9.806.372.935	9.806.372.935	9.806.372.935	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	152.451.879.827	180.469.603.797	71.236.610.146	50.308.204.839	56.655.057.493	2.269.731.319
Nợ dài hạn khác	2.307.850.000	2.307.850.000	-	2.307.850.000	-	-
	1.200.849.128.476	1.245.042.733.807	1.133.501.890.156	52.616.054.839	56.655.057.493	2.269.731.319

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014			31/12/2013	
	USD	EUR	AUD	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	174.314	250	-	803.237	250
Phải trả người bán	(2.532.531)	(505)	(2.650)	(77.276)	(1.165)
Vay ngắn hạn	(5.026.449)	-	-	-	-
	(7.384.666)	(255)	(2.650)	725.961	(915)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.267	21.053
1 EUR	28.882	28.803
1 AUD	19.887	18.585

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với
lợi nhuận thuần
VND**

30/6/2014

USD (mạnh thêm 1%)	(1.224.987.596)
EUR (mạnh thêm 0,3%)	(17.234)
AUD (mạnh thêm 7%)	(2.877.450)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, USD mạnh thêm 1% và EUR mạnh thêm 5% không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Nhóm công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	130.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.052.571.428	44.240.000.000
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	189.368.604.039	242.676.831.387
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(13.906.050.812)	(2.758.535.555)
Vay dài hạn	(35.609.876.411)	(42.564.861.811)
	170.905.248.244	371.593.434.021
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	70.614.395.153	107.889.989.907
Vay ngắn hạn	(1.131.301.799.032)	(885.329.866.995)
Vay dài hạn	(85.662.055.093)	(109.887.018.016)
	(1.146.349.458.972)	(887.326.895.104)

Nhóm công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 8.942 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty (31/12/2013: 6.656 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	70.614.395.153	237.889.989.907
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31.052.571.428	44.240.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	269.250.668.012	255.240.376.229
- Trả trước cho nông dân trồng mía	189.368.604.039	242.676.831.387
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	61.942.323.750	56.755.836.150
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	143.356.005.028	138.190.170.308
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	28.198.212.326	22.569.361.346
- Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	885.329.866.995
- Vay dài hạn	121.271.931.504	152.451.879.827
- Nợ phải trả dài hạn khác	1.555.540.000	2.307.850.000

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Đầu tư chứng khoán dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ phải trả dài hạn khác.

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía	159.358.141.952	29.375.725.826
Vay tài sản ghi nhận trong hàng tồn kho (Thuyết minh 8 và 22)	-	60.083.475.900
Chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn chạy thử của nhà máy Trị An và nhà máy Tây Ninh	-	18.454.849.500

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	59.068.058.365	221.841.231.097
Mua hàng hóa	12.731.319.238	-
Trả trước cho người bán	26.149.190.734	25.000.000.000
Cho vay	196.000.000.000	103.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	7.796.233.176	1.386.425.295
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	45.974.930.000
Phân phối cổ tức	-	9.194.986.000
Phí tư vấn	55.040.930	1.621.090.910
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán thành phẩm	11.400.000	34.223.736.928
Mua hàng hóa	22.777.015.714	6.505.781.144
Trả trước cho người bán	-	22.591.096.355
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	68.151.480.000
Phân phối cổ tức	-	13.630.296.000
Phí gia công và dịch vụ khác	763.058.916	1.533.039.715
Phí thuê kho bãi	85.802.770	64.611.107
Tổng công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một Thành viên		
Phân phối cổ tức	-	6.750.200.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Cho vay	42.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	982.822.223	-
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	99.805.356.035	99.457.846.762
Trả trước cho người bán	-	100.266.666.666
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	2.897.515.629	12.520.800.787
Bán thành phẩm và dịch vụ	3.573.720.789	13.925.107.072
Thu từ thanh lý tài sản cố định	318.181.818	-
Trao đổi đường	5.855.391.410	-
Phí vận chuyển	22.779.545	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Mua hàng hóa	366.396.000	-
Mua dịch vụ	126.175.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	450.000.000	1.102.083.333
Tiền lương và thưởng	2.562.476.483	5.166.012.617

38. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	263.920.658.510	873.647.415.586

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.591.197.940	3.486.489.810
Trong vòng hai đến năm năm	8.284.645.022	8.512.922.321
Sau năm năm	59.868.519.389	57.790.364.057
	71.744.362.351	69.789.776.188

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.359.120.664.902	2.208.086.042.088
Chi phí nhân công và nhân viên	89.951.856.166	141.013.080.938
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.575.700.793	23.621.596.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.794.206.832	140.842.640.467
Chi phí khác	46.173.529.521	51.581.766.139

Ngày 15 tháng 9 năm 2014

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng




Thái Văn Chuyện
Chủ tịch